

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 04-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sầm Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Quang

2. Bà Lương Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thị Hiến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Dim - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 22/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2022/QĐXXST-HS ngày 22/4/2022 đối với các bị cáo:

- Lục Văn H, sinh ngày 26/01/1999, tại xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Khum Đin, xã Vinh Quý, huyện HL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn B và bà Dương Thị Ấ; vợ: Bé Thị H, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020;

Tiền sự: Ngày 19/6/2020, bị Công an huyện HL xử phạt hành chính với hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Chưa chấp hành xong hình phạt.

Tiền án: Ngày 17/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện HL, tỉnh Cao Bằng từ ngày 03/3/2022 đến nay. *Có mặt.*

- **Nông Duy B** (tên gọi khác: Nông Văn B), sinh ngày 23/12/2001, tại xã TH, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm PD, xã TH, huyện HL, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Thanh Th và bà Đàm Thị K; vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 23/8/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TH, huyện HL áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời hạn 03 tháng. Ngày 23/11/2021, bị Tòa án nhân dân huyện HL áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng.

Nhân thân: Ngày 07/12/2016, bị Công an huyện HL xử lý vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện HL, tỉnh Cao Bằng từ ngày 03/3/2022 đến nay. *Có mặt.*

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nông Văn S - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

- *Bị hại:* Đàm Văn Ph, sinh năm 1963

Trú tại: ĐH, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Đàm Thị D, sinh năm 1994

+ Chu Văn Ch, sinh năm 1991

Cùng trú tại: Xóm SA, xã AL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. *Đều vắng mặt có lý do.*

- *Người làm chứng:* Hoàng Ngọc Ch, sinh năm 2000

Trú tại: ĐM, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi nhận tin báo của ông Đàm Văn Ph, trú tại BR – NT, xã CN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng về việc bị người khác vào nhà trộm tài sản là vàng và điện thoại. Công an huyện HL đã tiến hành điều tra xác minh, triệu tập Nông Duy B và Lục Văn H để làm việc. Tại Cơ quan điều tra B và H đã khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 21/11/2021, B và H đi bộ từ thị trấn TN vào xã Vinh Quý, khi đi qua nhà ông Đàm Văn Ph tại ĐH, thị trấn TN, huyện HL cả hai thấy nhà tắt điện và khóa ngoài nên đã nảy sinh ý định lẻn vào nhà nhằm trộm cắp tài sản. Do cửa trước khóa nên H và B đi vòng ra đằng sau để tìm lối vào, cả hai đã dùng dao lấy được ở bếp để cạy cửa vào tầng âm, lục lọi và phá tủ lấy được số kim loại

màu vàng gồm: 01 vòng cổ, 02 vòng tay; 01 miếng kim loại màu vàng hình ba bông hoa sáu cánh, 04 chiếc nhẫn, 02 bông tai và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, loại màn hình cảm ứng, màu đen. Sau khi lấy được tài sản, cả hai ra khỏi nhà theo lối đã vào và đi đến quán Internet của anh Hoàng Ngọc Ch tại N, thị trấn TN, huyện HL, H và B có hỏi bán chiếc điện thoại SamSung cho anh Ch, do điện thoại cài mật khẩu, không mở được nên Ch không mua. Do lo sợ việc bán điện thoại và số vàng trộm được tại thị trấn TN sẽ bị phát hiện nên cả hai đã bàn bạc đem tài sản đã trộm đến nhà ông Ph để trả lại. Cả hai quay lại nhà ông Ph, sau đó cầm toàn bộ số tài sản đã trộm lên phòng khách và đặt tất cả số vàng cùng chiếc điện thoại SamSung để trên bàn uống uống, B lấy tờ giấy A4 và bút để viết lại nội dung việc được đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản, mong chủ nhà không báo Công an, viết xong cả hai đi về nhà người quen ở xóm ĐM, thị trấn TN để ngủ.

Số kim loại màu vàng mà H và B đã lấy ở nhà ông Ph được xác định là của hồi môn và quà cưới của chị Đàm Thị D và anh Chu Văn Ch cùng trú tại xóm SA, xã AL, huyện HL, chị D đã nhờ ông Ph (bố đẻ của chị D) cất giữ hộ.

Ngày 07/12/2021, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: 01 vòng cổ, 02 vòng tay; 01 miếng kim loại màu vàng hình ba bông hoa sáu cánh, 03 nhẫn, 02 bông tai đều là vàng (Au) có hàm lượng 99,9% và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt nhẫn có gắn một viên đá nhỏ không màu, mặt trong có khắc chữ và số “K.TIN 10K” có tổng khối lượng 1,67 gam là vàng trang sức (Au) có hàm lượng vàng 41,36% còn lại là kim loại khác.

Ngày 22/12/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HL kết luận: Toàn bộ số vàng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG có giá trị là 70.263.350đ (bảy mươi triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng).

Ngày 28/2/2022, Cơ quan điều tra Công an huyện HL đã đưa Lục Văn H đến vị trí hiện trường để xác định lại vị trí đột nhập, vị trí để tài sản, vị trí vứt con dao và đèn pin. Kết quả xác định lại các vị trí hoàn toàn phù hợp với các tài liệu thu thập được. Tuy nhiên do thời gian và vị trí vứt công cụ đồng người qua lại nên không truy tìm được vật chứng công vụ gây án.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện HL đã thu giữ: 01 vòng cổ bằng kim loại màu vàng, trên có ghi chữ “K ★ H 30 9999 KTIN”, 01 vòng tay bằng kim loại màu vàng, trên có ghi chữ “HAI CHI 2C K.TIN 24K”; 01 vòng tay bằng kim loại màu vàng, trên có ghi chữ “K.TIN 24K Thái 2 chỉ”; 01 miếng kim loại hình bông hoa màu vàng, có đính đá; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá, bên trên có ghi chữ “1C K.Tin 99,99%”; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn trơn, bên trong có ghi chữ “1 Chỉ KIM TÍN 99,99%”; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá, bên trong có

ghi chữ “K.TIN 10K”; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá, bên trên có ghi chữ “KIM TIN 99,99%”; 01 đôi bông tai bằng kim loại, hình bông hoa màu vàng, có đính đá và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, loại màn hình cảm ứng.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKSHL ngày 21/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện HL đã truy tố các bị cáo Lục Văn H và Nông Duy B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ các hành vi đã thực hiện đúng như Cáo trạng phản ánh và cho rằng việc truy tố hai bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan.

Người bào chữa cho hai bị cáo nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và quan điểm xử lý vật chứng cũng như đề nghị tình tiết tăng nặng “tái phạm” đối với bị cáo H, tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với hai bị cáo. Tuy nhiên, do các bị cáo tuổi đời còn trẻ, bị cáo H còn nuôi con nhỏ, bị cáo B mới phạm tội lần đầu, xuất phát từ hoàn cảnh khó khăn nên về trình độ nhận thức pháp luật của hai bị cáo có phần bị hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là 02 (hai) năm tù.

Người bị hại, Đàm Văn Ph trình bày đúng về thời gian, địa điểm và đặc điểm số tài sản bị mất trộm. Do một số vàng đã bị biến dạng sau này cần phải gia công lại nên ông Ph đề nghị các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Đề nghị được trả lại toàn bộ số tài sản bị trộm và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và cho rằng bị cáo Lục Văn H có 01 tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; cả hai bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ là “tự nguyện khắc phục hậu quả” và “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại các điểm b,s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 đối với hai bị cáo, áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo H: Xử phạt bị cáo Lục Văn H từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù; xử phạt bị cáo Nông Duy B từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H và B có trách nhiệm bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho bị hại. Về xử lý vật chứng: Trả lại số vàng và điện thoại cho ông Đàm Văn Ph. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo nhất trí với ý kiến bào chữa của người bào chữa, không tranh luận với các quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến

hành tố tụng. Cả hai bị cáo đều nhất trí bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho ông Ph và đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện HL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện HL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và các yếu tố cấu thành tội phạm:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm, đặc điểm số tài sản bị mất và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 21/11/2021, Nông Duy B và Lục Văn H khi đi qua nhà ông Đàm Văn Ph, cả hai thấy nhà tắt điện và khóa ngoài nên đã nảy sinh ý định lẻn vào nhà nhằm trộm cắp tài sản để đem bán lấy tiền mua ma túy và tiêu sài cá nhân. Do cửa trước khóa nên H và B đi vòng ra đằng sau để tìm lối vào, cả hai đã dùng dao để cạy cửa vào tầng âm, lục lọi và phá tủ lấy được số kim loại màu vàng gồm: 01 vòng cổ, 02 vòng tay; 01 miếng kim loại màu vàng hình ba bông hoa sáu cánh, 04 nhẫn, 02 bông tai và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, loại màn hình cảm ứng, màu đen. Sau khi lấy được tài sản, cả hai đi tìm nơi bán nhưng do lo sợ việc bán điện thoại và số vàng trộm được tại thị trấn TN sẽ bị phát hiện nên cả hai đã đem tài sản đến nhà ông Ph trả lại và viết giấy để lại với mong muốn chủ nhà không báo Công an. Tổng giá trị tài sản gồm toàn bộ số vàng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG mà các bị cáo đã lấy, được Hội đồng định giá tài sản kết luận có giá trị là 70.263.350đ (bảy mươi triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm năm mươi đồng). Như vậy, tổng tài sản bị chiếm đoạt có trị giá trên 50.000.000 đồng, là căn cứ định khung hình phạt. Do đó đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản, có ý thức che giấu và thực hiện hành vi

một cách lén lút. Thời điểm số tài sản được các bị cáo lấy ra khỏi nhà của bị hại là lúc tài sản bị chiếm đoạt đã vượt ra khỏi phạm vi quản lý của chủ sở hữu tài sản, tội phạm đã hoàn thành nên việc các bị cáo đem trả lại tài sản chỉ có ý nghĩa là tình tiết khắc phục hậu quả. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã gây ra tình trạng mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; đồng thời khi thực hiện hành vi trộm cắp thì cả hai bị cáo đều có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội. Hai bị cáo đều có sự bàn bạc, thống nhất trong quá trình phạm tội, cả hai bị cáo là đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, với vai trò đều là người thực hành, do đó hai bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện HL đã truy tố và đề nghị mức án đối với hai bị cáo là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lục Văn H có 01 tình tiết tăng nặng, do ngày 17/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên bị coi là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo Nông Duy B không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi lấy được tài sản đã tự đem trả lại là tình tiết “khắc phục hậu quả” nên cả hai bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, Điều 51 BLHS.

Sau khi xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, hậu quả gây ra, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Lục Văn H có 01 tình tiết tăng nặng là “tái phạm” nên mức hình phạt sẽ cao hơn B; bị cáo B tuy không có tình tiết tăng nặng nhưng đã bị xử lý vì phạm hành chính nên bị coi là có nhân thân xấu. Mặc dù các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng tài sản các bị cáo trộm có giá trị lớn làm căn cứ định khung hình phạt. Các bị cáo phạm tội không vì hoàn cảnh khó khăn, mà mục đích trộm cắp tài sản để thỏa mãn cho mục đích mua ma túy và tiêu sài cá nhân. Điều này chứng tỏ trước lần phạm tội này, các bị cáo không chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới có tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Đàm Văn Ph đề nghị các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), vì có một số vàng đã bị gãy, biến dạng nên sau này cần phải gia công lại đúng hình dạng ban đầu. Hai bị cáo đều nhất trí bồi thường theo yêu cầu của ông Ph. Vì vậy, hai bị cáo H và B có trách

nhiệm liên đới trả số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) cho bị hại.

[5]. Về vật chứng: Toàn bộ số vàng là vật chứng trong vụ án và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, loại màn hình cảm ứng là của ông Đàm Văn Ph nên cần trả lại ngay cho chủ sở hữu.

[6]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết tội và bồi thường thiệt hại về tài sản nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lục Văn H, Nông Duy B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS đối với hai bị cáo. Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Lục Văn H.

Xử phạt bị cáo Lục Văn H 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 03/3/2022.

Xử phạt bị cáo Nông Duy B 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày 03/3/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Các bị cáo Lục Văn H, Nông Duy B có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) cho ông Đàm Văn Ph, trú tại: ĐH, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại ngay 01 vòng cổ bằng kim loại màu vàng, trên có ghi chữ “K★H 30 9999 KTIN”, 01 vòng tay bằng kim loại màu vàng, trên có ghi chữ “HAI CHI 2C K.TIN 24K”; 01 vòng tay bằng kim loại màu vàng, trên có ghi chữ “K.TIN 24K Thái 2 chỉ”; 01 miếng kim loại hình bông hoa màu vàng, có đính đá; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá, bên trên có ghi chữ “1C

K.Tin 99,99%”; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, loại nhẫn trơn, bên trong có ghi chữ “1 Chỉ KIM TÍN 99,99%”; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá, bên trong có ghi chữ “K.TIN 10K”; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính đá, bên trên có ghi chữ “KIM TIN 99,99%”; 01 đôi bông tai bằng kim loại, hình bông hoa màu vàng, có đính đá và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, loại màn hình cảm ứng cho ông Đàm Văn Ph, trú tại: ĐH, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận vật chứng nêu trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lục Văn H, Nông Duy B mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Chu Văn Ch, chị Đàm Thị D có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (bằng thông báo);
- Bị cáo;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Đức Hiệp